

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt bổ sung danh sách các tổ chức
sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ
môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 316TTr-SNN ngày 10/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách các tổ chức sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1. Danh sách gồm 27 đơn vị:

- Khai thác nước ngầm : 24 đơn vị
- Khai thác nước mặt: 03 đơn vị

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Hình thức chi trả: Ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định (theo quy định tại Điều 58 Nghị định 156/2018/NĐ-CP).

3. Mức chi trả: 50 đồng/m³ Khối lượng nước để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là khối lượng nước cơ sở sản xuất công nghiệp đã sử dụng, tính theo đồng hồ đo nước hoặc theo lượng nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc theo chứng từ mua bán nước giữa cơ sở sản xuất công nghiệp với đơn vị kinh doanh nước (theo quy định tại Khoản 3 Điều 59 Nghị định 156/2018/NĐ-CP).

4. Thời gian bắt đầu chi trả: từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Châu;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K13 (17b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục

Tổng hợp cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước

(Ban hành kèm theo Quyết định số: _____ / _____ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Dự kiến lưu lượng khai thác (m ³ /ngày đêm)	Dự kiến số tiền DVMTR phải chi trả (đồng/năm)	Địa điểm công trình	Tên ngành kinh doanh
	Tổng cộng (A+B)	8588	156.731.000		
A	Khai thác nước ngầm	6388	116.581.000		
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Bình Định	540	9.855.000	Số 87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	
2	Công ty TNHH Thuận Phát	61	1.113.250	Xã Cát Hiệp, Phù Cát	Khai Thác Cát
3	Công ty cổ phần Đầu tư An Phát	120	2.190.000	Cụm Công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn	Sx Quần áo
4	Công ty cổ phần May Tam Quan	80	1.460.000	Cụm Công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn	May Quần áo
5	Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định	30	547.500	Khu vực 7, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	Sản Xuất Bao Bì Carton
6	Xí nghiệp 380 - Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài	120	2.190.000	Khu vực 5, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	Cắt Tạo Dáng Và Hoàn Thiện Đá

7	Công ty Cổ phần thủy sản Hoài Nhơn	140	2.555.000	Thôn Tân Thành 1, Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn	Chế Biến Thủy Sản
8	Công ty cổ phần Cụm công nghiệp Cầu Nước Xanh	400	7.300.000	Xã Tây Xuân và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	
9	Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát	120	2.190.000	Thôn Cù Lâm, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn	
10	CTCP May Tây Sơn	70	1.277.500	Khối Phú Xuân, thị trấn Phú Phong, Tây Sơn	
11	CN CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung	1.500	27.375.000	KCN Phú Tài, KV5, phường Trần Quang Diệu	
12	Công ty cổ phần Khoáng sản Biotan	47	857.750	Thôn Vĩnh Lợi, Mỹ Thành, Phù Mỹ	Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Kim Loại
13	CTCP Khoáng sản Biotan - 422 Nguyễn Thái Học, P Quang Trung, Quy Nhơn	24	438.000	Cụm công nghiệp Bình Dương, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	
14	CTCP Khoáng sản và thương mại BĐ	180	3.285.000	Mỹ An, Phù Mỹ	
15	CTCP Xây lắp An Nhơn	1.980	36.135.000	KCN Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, TX An Nhơn, Bình Định	
16	DNTN Gia Hân	50	912.500	Thôn Hòa Hội, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	may nệm ghế
17	Công ty TNHH Nhất Vinh	34	620.500	Thôn Hội Vân, Cát Hiệp, Phù Cát	
18	Chi nhánh Công ty May Oasis	32	584.000	Cụm công nghiệp Diêm Tiêu thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	
19	CTCP Thủy sản Bình Định- Nhà máy chế biến thủy sản An Hải	60	1.095.000	02D Trần Hưng Đạo Quy Nhơn	

20	CTCP Khoáng sản Bình Định	180	3.285.000	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát	
21	Công ty CP Giày Bình Định	30	547.500	Lô A30, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn	
22	Công ty CP Công nghệ WASHHNC	500	9.125.000	CCN Tam Quan, TT Tam Quan, huyện Hoài Nhơn	May Gia Công Wash Quần Jean
23	Công ty TNHH Fujiwara Bình Định	30	547.500	Xã Nhơn Hội và Nhơn Lý, TP Quy Nhơn, KTT Nhơn Hội	
24	Nhà máy may Phù Mỹ - CN Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	60	1.095.000	Thôn Trà Quang Nam, TT Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	
B	Khai thác nước mặt	2.200	40.150.000		
1	CTCP Xây lắp An Nhơn	200	3.650.000	nước mặt tại đập tràn của suối Yển (phục vụ KCN Nhơn Hòa) - xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn.	
2	Chi nhánh 3 - Công ty TNHH MTV Nguyên Liêm - Nhà máy chế biến tinh bột sắn Vân Canh	1.000	18.250.000	Suối Lao - Xã Canh Thuận, Vân Canh	
3	Chi nhánh 3 - Công ty TNHH MTV Nguyên Liêm - Nhà máy chế biến tinh bột sắn Vân Canh	1.000	18.250.000	Suối Ba Góc - Xã Canh Thuận, Vân Canh	